HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 45 /NQ-HĐND	*Lai Châu, ngày 11 tháng 12 năm 2019*

NGHỊ QUYẾT

Thông qua danh mục các công trình, dự án điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 17 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ về Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Lai Châu;

Xét Tờ trình số 2755/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Điều chỉnh, bổ sung các công trình, dự án vào Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp tỉnh và chấp thuận thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 532/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục 211 công trình, dự án với diện tích 1.222,32 ha điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp tỉnh, như sau:

- Thành phố Lai Châu: 63 dự án, với diện tích 209,55 ha;
- Huyện Tam Đường: 24 dự án, với diện tích 117,59 ha;
- Huyện Than Uyên: 33 dự án, với diện tích 96,27 ha;
- Huyện Tân Uyên: 04 dự án, với diện tích 9,60 ha;
- Huyện Sìn Hồ: 10 dự án với diện tích 119,28 ha;
- Huyện Phong Thổ: 22 dự án với diện tích 171,80 ha;
- Huyện Nậm Nhùn: 18 dự án với diện tích 128,20 ha;

- Huyện Mường Tè: 37 dự án với diện tích 370,03 ha,

(Chi tiết có biểu kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khoá XIV, Kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Vũ Văn Hoàn

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VÀO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020 CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số: 45 /NQ-HĐND ngày 11 / 12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
(1)	(2)		(3)
	TỔNG CỘNG: 211 công trình, dự án		**1.222,3**
I	**THÀNH PHỐ LAI CHÂU (63)**		**209,5**
a	**Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN**		**149,5**
1	Mở rộng trụ sở đội cảnh sát PCCC&CNCH	Phường Quyết Thắng	0,6
2	Công an phường Đông Phong	Phường Đông Phong	0,2
3	Xây dựng trận địa SMPK 12,7 mm trong khu vực phòng thủ thành phố Lai Châu	Các xã: San Thàng, Nậm Loỏng; các phường: Quyết Tiến, Đoàn Kết	0,4
4	Trụ sở làm việc Đảng ủy-HĐND-UBND phường Đoàn Kết	Phường Đoàn Kết	0,6
5	Trụ sở xã San Thàng (bổ sung diện tích)	Xã San Thàng	0,0
6	Mở rộng khuôn viên xây dựng nhà hiệu bộ trường mầm non Hoa Ban	Phường Quyết Thắng	0,6
7	Trường trung cấp nghề dân tộc nội trú tỉnh Lai Châu	Xã Nậm Loỏng	2,4
8	Trường THCS Đông Phong (điều chỉnh diện tích, vị trí)	Phường Đông Phong	2,3
9	Đường vành đai thành phố (Phường Đoàn Kết 4,6 ha; Quyết Tiến 3,21 ha; Tân Phong 4,09 ha; Nậm Loỏng 8,10 ha)	Các phường: Đoàn Kết, Quyết Tiến, Tân Phong và xã Nậm Loỏng	20,0
10	San gạt mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật khu phía Bắc QL4D thành phố (Đất giao thông, đất vui chơi giải trí công cộng, đất ở, đất thương mại dịch vụ)	Phường Quyết Tiến	20,0
11	Đường số 3 nối QL4D với đường 58m (Điều chỉnh diện tích, loại đất)	Phường Quyết Thắng	0,7
12	Đường nối QL4D đến nhà máy gạch Tuynel cũ phường Đoàn Kết	Các phường: Đoàn Kết; Quyết Tiến	0,7
13	Nâng cấp tuyến đường Võ Văn Kiệt kéo dài thành phố Lai Châu	Phường Đông Phong	0,52
14	Đường Đinh Bộ Lĩnh (bổ sung diện tích, địa điểm, loại đất)	Các phường: Đông Phong, Tân Phong	10,18
15	Tuyến đường nối từ cuối Đại lộ Lê Lợi tới Trung đoàn 880 thành phố Lai Châu	Các phường: Đông Phong, Tân Phong	14,0
16	Nâng cấp cải tạo tuyến đường giao thông từ Trung đoàn 880 đến bản Tả Xin Chải (Điều chỉnh, bổ sung vị trí, diện tích, loại đất)	Phường Đông Phong và xã San Thàng	1,20
17	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ đường QL4D đi Phan Lìn nối với đường San Thàng - Đông Pao, thành phố Lai Châu	Xã San Thàng	4,13
18	Cải tạo tuyến đường bản Gia Khâu xã Nậm Loỏng	Xã Nậm Loỏng	4,03
19	Cải tạo, nâng cấp đường từ KDC số 2 đi xã Nùng Nàng	Phường Tân Phong	0,01
20	Cải tạo tuyến đường và hệ thống thoát nước bản Tả Xin Chải tới ngã ba Duy Phong	Phường Đông Phong và xã San Thàng	1,20
21	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường GTNT và hệ thống thoát nước bản Thành Công - xã San Thàng	Xã San Thàng	0,75
22	Nâng cấp đường tỉnh lộ 130 (San Thàng - Thèn Sin - Mường So)	Xã San Thàng	10,47

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
3	San gạt mặt bằng xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 3 (Giai đoạn 2) lô 2, lô 3 (Đất giao thông, đất ở)	Phường Quyết Tiến	2,00
4	San gạt mặt bằng xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 3 (Giai đoạn 2) lô 4 lô 5 (Đất giao thông, đất ở)	Phường Quyết Tiến	2,00
5	Khắc phục, sửa chữa kênh mương từ Trường Cao đẳng cộng đồng đến cánh đồng Lùng Thàng, bản Lùng Thàng, xã Nậm Loỏng	Xã Nậm Loỏng	0,13
26	Hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố (Điều chỉnh, bổ sung diện tích)	Các phường: Đoàn Kết, Tân Phong, Đông Phong, Quyết Thắng và xã San Thàng	14,90
27	Hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố (xã Nậm Loỏng)	Xã Nậm Loỏng	0,30
28	Hệ thống dẫn nước khu vực sản xuất bản Gia Khâu 1, xã Nậm Loỏng	Xã Nậm Loỏng	0,60
29	Cống thoát nước từ khu dân cư số 1 ra suối Nậm Con Gin	Phường Đông Phong	0,10
30	Hệ thống thoát nước khu vực tổ 11, phường Đoàn Kết, lý trình KM0+297 đến KM0+620 (Điều chỉnh vị tí, diện tích, loại đất)	Phường Quyết Tiến	0,60
31	Xây dựng trụ sở làm việc Trung tâm viễn thông thành phố	Phường Tân Phong	0,11
32	Nhà văn hóa bản Sùng Chô	Xã Nậm Loỏng	0,10
33	Nhà văn hóa tổ 23	Phường Đông Phong	0,05
34	Khu Lâm Viên thành phố Lai Châu (bổ sung diện tích)	Phường Tân Phong	23,60
35	Tạo quỹ đất sạch để đấu giá QSD đất bám trục đường Võ Nguyên Giáp	Phường Quyết Tiến	0,95
36	Quy hoạch để làm đất ở đường 60m 34 thửa	Phường Tân Phong	0,36
37	Đường giao thông bản Nậm Loỏng 1, phường Quyết Thắng	Phường Quyết Thắng	1.22
38	Khắc phục ô nhiễm môi trường, nâng cấp, sửa chữa hệ thống thoát nước thải hệ thống cấp nước cho hồ Thượng và hồ Hạ (Gai đoạn 2)	Phường Tân Phong, Đoàn Kết	0,27
39	Kho dự trữ Lai Châu (Cục dự trữ Nhà nước khu vực Tây Bắc)	Phường Quyết Thắng	1,90
40	Trường tiểu học Đoàn Kết	Phường Đoàn Kết	1,80
41	Nâng cấp tuyến đường từ nhà máy gạch Tuynel đến đường Trần Hưng Đạo	Phường Đoàn Kết	1,07
42	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường và hệ thống thoát nước bản Nậm Loỏng 2, 3 phường Quyết Thắng	Phường Quyết Thắng	0,27
43	Xây dựng khối chắn trong thao trường tổng hợp	Xã Nậm Loỏng	3,00
b	**Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN**		**60,05**
44	Xây dựng khách sạn và tổ hợp thương mại dịch vụ (Đối diện Bến xe khách tỉnh)	Phường Đông phong	1,75
45	Khu đất bám đường Phạm Văn Đồng (Cạnh nhà khách Công an tỉnh -chuyển mục đích sang đất ở)	Phường Đông phong	0,42
46	Đất thương mại dịch vụ (thửa đất giáp đường Võ Nguyên Giáp)	Phường Quyết Thắng	1,20
47	Đất thương mại dịch vụ (Thửa đất thuộc tổ 5 giáp Ban quản lý công trình giao thông (khu nhà hàng, khách sạn)	Phường Tân Phong	0,24

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
48	Cải tạo và nâng cấp hệ thống xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Lai Châu	Xã San Thàng	3,3
49	Quy hoạch đất ở nhánh đường đi Nùng Nàng	Phường Tân Phong	0,0
50	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các TBA: Bản Mới, Tả Sin Chải, TĐC1.1, KDC số 1 GĐ2, KDC số 2, Lao Tỷ Phùng, Sùng Phài B, Lản Nhì Thàng, Nùng Nàng, Suối Thầu, Hồng Thu Mông, và cải tạo, mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: Số 6, số 8A, Hồng Thu Mán, thành phố Lai Châu năm 2020	Xã San Thàng; Các phường: Đông Phong, Tân Phong, Đoàn Kết, Quyết Tiến	0,5
51	Giảm tổn thất điện năng cho các TBA có tỷ lệ TTĐN>10%: Các TBA Pề Sì Ngài, Nậm Há, Căn Ma, Ta Pưng, huyện Sìn Hồ; TBA CQT5.2 thành phố Lai Châu; TBA Cốc Pa, huyện Tam Đường; TBA Huổi Mắn,huyện Nậm Nhùn	Phường Quyết Tiến	0,1
52	Dự án: 474 Phong Thổ - Mường So	Xã Nậm Loỏng; các phường: Quyết Tiến, Quyết	0,6
53	Khu đô thị Đông Nam thành phố Lai Châu (Giai đoạn 1)	Phường Tân Phong, Đông Phong	49,8
54	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA: Số 5.2, KDC số 1 MR, Quyết Thắng, Tả Làn Than, Phan Chu Hoa, thành phố Lai	Xã San Thàng; Các phường: Đông Phong, Tân Phong, Quyết Thắng	0,
55	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA: Lùng Than, Bản Đông 2, thành phố Lai Châu	Xã San Thàng; phường Đông Phong	0,1
56	Cải tạo và mở rộng phạm vi cấp điện các TBA Nùng Nàng, số 4, số 3, số 6, số 7, số 7A, chợ Nậm Loỏng, nghĩa trang, Quyết Tiến	Xã San Thàng; Các phường: Đoàn Kết, Quyết Tiến, Quyết Thắng	0,2
57	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA: Số 4.2, 450m2/hộ, 5.1, thành phố Lai Châu	Phường Tân Phong, phường Đoàn Kết	0,1
58	Cấp điện cho KDC sau TBA số 3, số 4, Hồng Thu Mông, nghĩa trang thành phố	Xã San Thàng	0,0
59	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: 5A, TT thương mại, 2A MR, 6 GĐ1A, 4.4, Tả Sín Chải, 4.3, Hồng Thu Mông, 7A Lản Nhì Thàng, Lùng Cù, Cu Ty, 8, 8A, Bản Mới, Duy Phong, Phan Lìn, Chợ Nậm Loỏng, TĐC 1.1, thành phố Lai Châu	Phường Đoàn Kết, phường Đông Phong, Phường Quyết Tiến, phường Quyết Thắng, xã Nậm Loỏng, Xã San Thàng	0,3
60	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các TBA: Số 4.3, San Thàng 2, Số 3, Số 4, Số 4.4, TĐC 1.1, và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: Bản Đông, 4.2, Khu 2D, số 6 GDD1, Phan Lìn, thành phố Lai Châu năm 2019	Các xã San Thàng, Nậm Loỏng và các phường: Đoàn Kết, Tân Phong, Quyết Thắng, Đông Phong	0,2
61	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các TBA: KDC số 2, Tả Xin Chải, TĐC 1.2, KDC số 2 GDD2, KDC số 1 MR và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: Bản Đông 1, Lao Tỷ Phùng, Bản Mới, Chợ Nậm Loỏng, thành phố Lai Châu năm 2019	Các xã San Thàng, Nậm Loỏng và các phường: Đoàn Kết, Tân Phong, Quyết Thắng, Đông Phong	0,2
62	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA: Số 5.2, KDC số 1 MR, Quyết Thắng, Tả Làn Than, Phan Chu Hoa, thành phố Lai	San Thàng, Tân Phong	0,0
63	Xây dựng trụ sở Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank) chi nhánh thành phố Lai Châu	Phường Quyết Thắng	0,1
II	**HUYỆN TAM ĐƯỜNG (24)**		**117,5**

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
a	**Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN**		**42,15**
1	Nhà lớp học Trường tiểu học xã Sơn Bình (Điều chỉnh diện tích, loại đất)	Xã Sơn Bình	0,85
2	Nâng cấp đường tỉnh lộ 130 (San Thàng - Thèn Sin - Mường So)	Xã Thèn Sin	28,82
3	Cầu dân sinh bản Rừng Ổi (điều chỉnh vị trí, diện tích, loại đất)	Xã Hồ Thầu	1,09
4	Đường giao thông liên bản Sáy San 1 - Lao Tỷ Phùng, xã Nùng Nàng (Điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất)	Xã Nùng Nàng	5,25
5	Đường trục bản Sùng Phài	Xã Sùng Phài	0,45
6	Đường trục bản Làng Giảng giai đoạn 3	Xã Sùng Phài	0,12
7	Đường trục bản Cư Nhà La (tuyến 2)	Xã Sùng Phài	0,15
8	Đường Ngõ bản Sin Chải	Xã Sùng Phài	0,15
9	Đường giao thông nội đồng bản San Tra Mông	Xã Tà Lèng	0,32
10	Đường giao thông nội đồng bản Bãi Trâu	Xã Bản Hon	0,42
11	Hồ Thủy lợi Cò Lá, huyện Tam Đường (Giai đoạn II)	Thị trấn Tam Đường	4,33
12	Sân thể thao xã Hồ Thầu	Xã Hồ Thầu	0,20
b	**Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN**		**75,44**
13	Nhà máy chế biến chè HTX bản Giang	Xã Bản Giang	0,480
14	Thủy điện Chu Va 2	Xã Sơn Bình	6,72
15	Khu đô thị Đông Nam thành phố Lai Châu (Giai đoạn 1)	Xã Nùng Nàng	4,37
16	Khoáng sản sét làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực Hua Bó, xã Bình Lư, huyện Tam Đường	Xã Bình Lư	3,03
17	Trạm nghiền xi măng	Xã Bản Hon	19,51
18	Trồng và phát triển cây sâm kết hợp với sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Xã Hồ Thầu	9,79
19	Khu du lịch sinh thái kết hợp trồng hoa, cây ăn quả ôn đới	Xã Giang Ma	8,40
20	Khu giới thiệu sản phẩm Thiên đường mắc ca tỉnh Lai Châu, thuộc xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường	Xã Nùng Nàng	22,06
21	Giảm bán kính cấp điện,chống quá tải cho các TBA: Tái định cư, Huổi Ke, Tiên Bình, Cò Lá huyện Tam Đường (Bổ sung địa điểm diện tích)	Các xã: Bản Bo, Bình Lư và Thị trấn Tam Đường; Sơn Bình	0,37
22	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA: Lao Chải 2, Nhà khách, Mà Phô, Nậm Đích và cải tạo, mở rộng phạm vi cấp điện của TBA Khu DCTT, huyện Tam Đường năm 2020	TT.Tam Đường; các xã: Tà Lèng, Khun Há, Giang Ma	0,42
23	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các TBA: Bản Mới, Tà Sin Chải, TĐC1.1, KDC số 1 GĐ2, KDC số 2, Lao Tỷ Phùng, Sùng Phài B, Lản Nhì Thàng, Nùng Nàng, Suối Thầu, Hồng Thu Mông và cải tạo, mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: số 6, số 8A, Hồng Thu Mán, thành phố Lai Châu năm 2020	Các xã Sùng Phài, Nùng Nàng	0,20

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
24	Giảm tổn thất điện năng cho các TBA có tỷ lệ TTĐN >10%: các TBA Pề Sì Ngài, Nậm Há, Căn Mà, Ta Pung huyện Sìn Hồ; TBA CQT 5.2 thành phố Lai Châu; TBA Cốc Pa huyện Tam Đường; TBA Huổi Mắn huyện Nậm Nhùn	Xã Bản Giang	0,0
III	**Huyện Than Uyên (33)**		**96,2**
a	**Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN**		**44,8**
1	Xây dựng Trụ sở Công an của 11 xã trên địa bàn huyện	Xã Phúc Than, Mường Than, Mường Mít, Hua Nà, Mường Cang, Mường Kim, Tà Mung, Ta Gia, Khoen On, Tà Hừa, Pha Mu	2,3
2	Nâng cấp đường giao thông liên bản, nội bản, đường sản xuất xã Ta Gia	Xã Ta Gia	6,8
3	Phạm vi an toàn trong công tác quản lý, vận hành nhà máy thủy điện Bản Chát (bổ sung diện tích)	Xã Mường Kim	23,7
4	Dự án chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất đấu giá, TĐC và phát triển KT-XH khu 2 (Đoạn từ cầu Mường Cang và phía sau bến xe) thị trấn Than Uyên)	TT Than Uyên	0,9
5	Dự án chỉnh trang đô thị,tạo quỹ đất đấu giá, TĐC và phát triển KT-XH khu 10 thị trấn Than Uyên (chạy song song với quy hoạch bến xe mới)	TT Than Uyên	4,0
6	Chỉnh trang đô thị tạo quỹ đất đấu giá, tái định cư và phát triển kinh tế xã hội khu 8 thị trấn Than Uyên huyện Than Uyên	TT Than Uyên	0,7
7	Dự án chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất ở tại khu 5b (để TĐC đấu giá, giao đất có thu tiền sử dụng đất- sau điện lực và trạm vật tư nông nghiệp)	TT Than Uyên	0,0
8	Đấu giá quyền sử dụng đất tại khu 7 (Nhà văn hóa khu 7b cũ) thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên	TT Than Uyên	0,0
9	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới (tạo quỹ đất ở để đấu giá quyền sử dụng đất dọc ven đường QL32) xã Mường Than huyện Than Uyên	Xã Mường Than	0,1
10	Đất thương mại dịch vụ và đất ở liền kề (trạm thú y, trạm bảo vệ thực vật, khuyến nông	Xã Mường Cang	0,2
11	Đường vào, tạo nền khuân viên nhà văn hóa khu 2 thị trấn Than Uyên	TT Than Uyên	1,2
12	Trường PTDT tiểu học xã Tà Mung (điều chỉnh diện tích)	Xã Tà Mung	0,1
13	Dự án thành phần 6 (LC:06-ĐA ĐT 03) hợp phần cầu thuộc dự án LRAMP	Xã Mường Kim, Xã Tà Hừa	4,4
b	**Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN**		**51,4**
14	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA: Mường Kim 1, Mường Kim 2, Mường Kim 4, huyện Than Uyên năm 2020	Xã Mường Kim	0,1
15	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA: Than Uyên 2.1, Sám Sẩu, Én Nọi và cải tạo, mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA Than Uyên 1, Than Uyên 3, huyện Than Uyên năm 2020	TT Than Uyên; Xã Phúc Than, Xã Mường Than	0,4

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
16	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA: Bản Khoang, Bản Vè, Kẽm Quang, huyện Than Uyên năm 2020	Xã Mường Mít	0,15
17	Xuất tuyến 35kV lộ 373E29.2than uyên và cải tạo đường dây 35kV Than Uyên - Mường Mít	Xã Mường Mít	0,11
18	Lắp đặt thiết bị LBS Recloser cho lưới điện trung áp năm 2019 (Lai Châu)	Xã Mường Kim	0,00
19	Xây dựng nhà làm việc sân phơi, đường nội bộ, trồng cây xanh cảnh quan (Trụ sở mắc ca Him Lam)	Xã Mường Cang	0,40
20	Khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá Mường Cang	Xã Mường Cang	3,50
21	Cửa hàng xăng dầu Phương Thủy	Xã Phúc Than	0,25
22	Thủy điện Nậm Mở 1A Than Uyên	Xã Khoen On; Xã Tà Mung	31,41
23	Thủy điện Mường Kim 3	Xã Mường Kim	12,87
24	Đường dây 110 kv mạch 2 từ TBA 220kV Than Uyên-TBA 110kV Than Uyên	Xã Phúc Than	0,55
25	Thủy điện Mường Mít	Xã Mường Mít;Xã Phúc Than	1,26
26	Cải tạo và chống quá tải các TBA Giao thông, Mường Kim 2, Mường Kim 4 - huyện Than Uyên (bổ sung diện tích)	Xã Mường Kim, Xã Mường Cang	0,02
27	Cải tạo, Chống quá tải và mở rộng phạm vi cấp điện các TBA khu vực thị trấn Than Uyên huyện Than Uyên (bổ sung diện tích)	TT Than Uyên, Xã Mường Than, Hua Nà, Mường Cang	0,03
28	Cải tạo, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA Mường Than1, Cẩm Trung huyện Than Uyên (bổ sung diện tích)	Xã Phúc Than, Mường Than	0,02
29	Mở rộng và cải tạo lưới điện nông thôn vùng sâu, vùng xa tỉnh Lai Châu giai đoạn 3 - Sử dụng vốn dư (điều chỉnh diện tích)	Khoen On, Ta Gia, Phúc Than	0,25
30	Cấp điện cho các thôn bản chưa có điện tỉnh Lai châu (điều chỉnh diện tích)	TT Than Uyên, Xã Mường Than, Phúc Than	0,01
31	Cải tạo, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA UB xã Nà Cang, Ban QLDA thủy điện 1 huyện Than Uyên (bổ sung diện tích)	TT Than Uyên, Mường Cang, Hua Nà	0,02
32	Cải tạo, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA Mường Than2, Cầu Nậm Phang huyện Than Uyên (bổ sung diện tích)	Mường Than, Phúc Than	0,02
33	Giảm bán kính cấp điện, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA: Mường Kim3, Mường Kim5, TT xã Tà Mung, huyện Than Uyên (bổ sung diện tích)	Xã Mường Kim, Tà Mung	0,02
IV	**HUYỆN TÂN UYÊN (4)**		**9,60**
a	**Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN**		**8,75**
1	Nhà lớp học MN bản Tho Ló	Xã Nậm Sỏ	0,15
2	Sắp xếp dân cư bản Hua Ngò, xã Nậm Sỏ	Xã Nậm Sỏ	1,60
3	Chỉnh trang đô thị gắn với sắp xếp, bố trí dân cư tại kè chống sói lở suối Nậm Chăng (phần hạ lưu), tổ 32, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	TT Tân Uyên	7,00
b	**Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN**		**0,85**

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
4	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA: Mường Khoa 4, Nà Sẳng, Tát Xôm 2, TT thị trấn Mường Khoa 7, Pắc Ta, Bản Bút, Phiêng Phát và cải tạo, mở rộng phạm vi cấp điện của các TBA: Hô Be, Hô Puông, Nà Cóc, Đội 24, Hô Bon, TT hành chính 2, Khu Cơ quan, Trường cấp 3, huyện Tân Uyên năm 2020	Xã Mường Khoa; Xã Mường Khoa; Xã Trung Đồng; TT Tân Uyên; Xã Nậm Cần; Xã Phúc Khoa	0,8
V	**Huyện Sìn Hồ (10)**		**119,2**
a	**Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN**		**55,5**
1	Hồ chứa nước Xà Dề Phìn	Xã Sà Dề Phìn, Thị trấn Sìn Hồ	55,2
2	Thủy lợi Lùng Cù	Xã Lùng Thàng	0,0
3	Xây dựng nhà bảo tồn văn hóa dân tộc Lự, bản Nậm Lò	Xã Nậm Tăm	0,2
b	**Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN**		**63,7**
4	Thủy điện Suối Ngầm	Xã Phăng Sô Lin, Thị trấn Sìn Hồ	31,8
5	Dự án khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Lùng Thàng	Xã Lùng Thàng	2,8
6	Dự án khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hồng Thu	Xã Hồng Thu	3,0
7	Dự án khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Nậm Tăm, Pa Khóa	Xã Nậm Tăm, Pa Khóa	23,0
8	Xây dựng nhà máy chế biến chè và trồng chè tại huyện Sìn Hồ	Xã Sà Dề Phìn, Thị trấn Sìn Hồ	1,7
9	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA: UB xã Noong Hẻo, Pu Sam Cáp, Tổ Cù Phìn, Sù Tổng, Chăn Nưa 2, Sà Dề Phìn, UB xã Phìn Hồ, Hồng Thu năm 2020	Các xã: Noong Hẻo, Pu Sam Cáp, Làng Mô, Tả Phìn, Chăn Nưa, Sà Dề Phìn, Phìn Hồ, Hồng Thu	1,0
10	Giảm tổn thất điện năng cho các TBA có tỷ lệ TTĐN>10%: Các TBA Pề Sì Ngài, Nậm Há, Căn Ma, Ta Pưng, huyện Sìn Hồ; TBA CQT5.2 thành phố Lai Châu; TBA Cốc Pa, huyện Tam Đường; TBA Huổi Mắn,huyện Nậm Nhùn	Các xã: Làng Mô, Noong Hẻo, Nậm Hăn	0,2
VI	**HUYỆN PHONG THỔ (22)**		**171,8**
a	**Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN**		**128,4**
1	Mở rộng trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Phong Thổ	Thị trấn Phong Thổ	0,0
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTBT Tiểu học Ma Li Pho	Xã Ma Li Pho	0,1
3	Trường Tiểu học Khổng Lào	Xã Khổng Lào	0,5
4	Trường Mầm non Bản Lang	Xã Bản Lang	0,2
5	Đường từ đồn, trạm biên phòng ra mốc quốc giới phục vụ cho việc tuần tra bảo vệ mốc, huyện Phong Thổ (bổ sung)	Xã Huổi Luông	32,9
6	Nâng cấp đường GTNT bản Hồng Thu Mán	Xã Lản Nhì Thàng	2,5
7	Đường hành lang biên giới đoạn Phong Thổ (tỉnh Lai Châu) - Bát Xát (tỉnh Lào Cai)	Xã Sin Suối Hồ	37,1

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
8	Nâng cấp đường tỉnh lộ 130 (San Thàng - Thèn Sin - Mường So)	Xã Nậm Xe, Mường So	45,96
9	Đường ra khu sản xuất bản Căn Câu	Xã Sin Suối Hồ	2,38
0	Điện sinh hoạt bản Sín Chải, xã Mù Sang	Xã Mù Sang	0,18
1	Nâng cấp nước sinh hoạt xã Mù Sang	Xã Mù Sang	0,40
2	Nâng cấp nước sinh hoạt xã Vàng Ma Chải	Xã Mù Sang	0,30
3	Đấu giá đất thương mại dịch vụ khu đất ngã ba Pa So	Thị trấn Phong Thổ	0,62
4	Đường liên bản Phố Vây - Xin Chải	Xã Sin Suối Hồ	0,20
5	Đường nội đồng tiểu vùng chè xã Lản Nhì Thàng	Xã Lản Nhì Thàng	3,65
6	Tuyến đường nội đồng bản Nhóm III	Xã Vàng Ma Chải	0,30
7	Tuyến đường nội đồng bản Sì Choang	Xã Vàng Ma Chải	0,34
8	Sửa chữa, nâng cấp Nhà bia ghi tên liệt sỹ xã Ma Li Pho	Xã Ma Li Pho	0,17
9	Trạm y tế Sì Lở Lầu	Xã Sì Lở Lầu	0,34
b	**Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN**		**43,40**
20	Thủy điện Nậm Lụm 3	Xã Bản Lang	12,17
21	Đấu giá đất thương mại dịch vụ	Thị trấn Phong Thổ	0,36
22	Thủy điện Phai Cát	Thị trấn Phong Thổ và xã Khổng Lào	30,87
VII	**HUYỆN NẬM NHÙN (18)**		**128,20**
a	**Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN**		**33,58**
1	Đầu tư xây dựng phòng học các Trường Mầm Non, Tiểu học huyện Nậm Nhùn (Xây lắp điểm trường trung tâm Trường Mầm non xã Nậm Pì và điểm trường trung tâm Trường PTDTBT Tiểu học xã Nậm Pì) - bổ sung	Xã Nậm Pì	0,30
2	Bệnh viện huyện Nậm Nhùn	TT. Nậm Nhùn	1,53
3	Nhà máy nước sạch huyện Nậm Nhùn	TT. Nậm Nhùn	6,95
4	Nâng cấp đường giao thông đến bản Huổi Dạo	Xã Nậm Chà	8,70
5	Dự án thành phần 6 (LC:06-DADT 03) thuộc hợp phần xây dựng cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh Lai Châu, dự án LRAMP (Cầu Pú Đao, Cầu Nậm Hàng, Cầu Trung Chải)	Xã Pú Đao, X Nậm Hàng, X Trung Chải	2,94
6	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng đường đến bản Lồng Ngài, xã Nậm Hàng	Xã Nậm Hàng	8,50
7	Đường nội thị N-1 khu Y tế - Giáo dục, Thương mại dịch vụ và dân cư thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn	TT. Nậm Nhùn	0,30
8	Đường Trung tâm xã Hua Bum - Pa Cheo, xã Hua Bum, huyện Nậm Nhùn	Xã Hua Bum	2,63
9	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước vỉa hè và kè chắn đất bảo vệ chân cầu Nậm Hàng 2 đi Cảng Nghiêng, thị trấn Nậm Nhùn	TT. Nậm Nhùn	0,20

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
10	Giảm tổn thất điện năng cho các TBA có tỷ lệ TTĐN >10%: các TBA Pề Sì Ngài, Nậm Há, Căn Mã, Tà Hừ huyện Sìn Hồ; TBA CQT 5.2 thành phố Lai Châu; TBA Cốc Pa huyện Tam Đường; TBA Huổi Mắn huyện Nậm Nhùn	Xã Nậm Chà	0,0
11	San gạt mặt bằng xây dựng các điểm trường Tiểu học huyện Nậm Nhùn (điểm trường trung tâm Trường PTDTBT Tiểu học xã Nậm Pì)	Xã Nậm Pì	1,1
12	San gạt mặt bằng xây dựng các điểm trường Mầm non huyện Nậm Nhùn (điểm trường trung tâm Trường MN xã Nậm Pì)	Xã Nậm Pì	0,3
b	**Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN**		**94,6**
13	Thủy điện Nậm Cuổi 1	TT. Nậm Nhùn	12,1
14	Thủy điện Nậm Cuổi 1A	TT. Nậm Nhùn	1,0
15	Thủy điện Nậm Cuổi 1B	Xã Nậm Chà	1,6
16	Thủy điện Nậm Ngà 1	Xã Nậm Chà	5,0
17	Thủy điện Nậm Ngà 2	Xã Nậm Chà	14,9
18	Khu sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi tập trung tại thị trấn Nậm Nhùn	TT. Nậm Nhùn	60,0
VIII	**HUYỆN MƯỜNG TÈ (37)**		**370,0**
a	**Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN**		**146,9**
1	Hạ tầng Nậm Là (trạm kiểm soát)	Xã Thu Lũm	2,0
2	Nâng cấp đường Sín Chải A-B, xã Pa Vệ Sử	Xã Pa Vệ Sử	2,7
3	Sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Pa Thóong trên với bản Đầu Nậm Xả	Xã Bum Tở	5,5
4	Cụm thủy lợi Phìn Khò, xã Mù Cả	Xã Mù Cả	5,4
5	Đường dây 220 KV Mường Tè - Lai Châu (bổ sung diện tích)	Xã Vàng San; Xã Bum Nưa; TT Mường Tè; Xã Bum Tở; Xã Kan Hồ	1,8
6	Trạm biến áp 220 xã Vàng San (điều chỉnh diện tích)	Xã Vàng San	4,2
7	Giảm bán kính cấp điện, nâng cao chất lượng điện áp cuối nguồn cho TBA Pắc Pạ, Lè Ma, Lé Ma, Nậm Ngà và mở rộng phạm vi cấp điện cho TBA Nậm Ngà, huyện Mường Tè năm 2020	Xã Mường Tè; Xã Ka Lăng; Xã Tà Tổng	0,4
8	Mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật điểm ĐCĐC Là Si, xã Tá Bạ, huyện Mường Tè (GĐ1)	Xã Tá Bạ	2,9
9	Hạ tầng sắp xếp dân cư điểm ĐCĐC Vạ Pù, Nhóm Pố, xã Tá Bạ, huyện Mường Tè (GĐ1)	Xã Tá Bạ	5,3
10	Hạ tầng sắp xếp dân cư điểm ĐCĐC La Ú Cò, xã Ka Lăng, huyện Mường Tè	Xã Ka Lăng	2,1
11	Bố trí sắp xếp dân cư bản A Mại và bản Phí Chi C, xã Pa Vệ Sử, huyện Mường Tè	Xã Pa Vệ Sử	1,2
12	Dự án thành phần 6 (LC:06-DAĐT 03) Cầu Dạ Khổ	Xã Tà Tổng	0,9
13	Dự án thành phần 6 (LC:06-DAĐT 03) Cầu Lóng Nế	Xã Tà Tổng	0,9
14	Dự án thành phần 6 (LC:06-DAĐT 03) Cầu Là Si	Xã Thu Lũm	1,8
15	Trạm kiểm soát liên ngành xã Mù Cả, huyện Mường Tè	Xã Mù Cả	0,4
16	Sắp xếp ổn định dân cư 2 xã Tà Tổng và Mù Cả, huyện Mường Tè	Xã Tà Tổng; Xã Mù Cả	69,0

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
7	Nâng COS đường và mặt bằng khu phố 10 thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè	TT Mường Tè	0,05
8	Dự án đường xuống bến đò điểm TĐC Nậm Khao, khu TĐC Mường Mô, xã Mường Mô, huyện Nậm	Xã Kan Hồ	1,40
9	Dự án đất sản xuất trên cos ngập lòng hồ dự án thủy điện Lai Châu cho các hộ dân TĐC di chuyển tự nguyện xã Mường Mô; các hộ dân TĐC di chuyển từ xã Mường Mô đến điểm TĐC tập trung đô thị thị trấn Nậm Nhùn cách nơi sản xuất cũ với khoảng cách lớn hơn 10 km, thuộc khu TĐC Mường Mô xã Mường Mô, huyện Nậm Nhùn	Xã Kan Hồ	5,60
20	Hạ tầng kỹ thuật điểm ĐCĐC Là Pê 1, 2, xã Tá Bạ, huyện Mường Tè	Xã Tá Bạ	2,84
21	Hạ tầng sắp xếp dân cư bản Nậm Sẻ, xã Vàng San, huyện Mường Tè	Xã Vàng San	0,42
22	Hạ tầng kỹ thuật điểm ĐCĐC Cờ Lò 1, 2, xã Pa Ủ, huyện Mường Tè	Xã Pa Ủ	4,55
23	Trường tiểu học Pa Vệ Sủ, xã Pa Vệ Sủ, huyện Mường Tè	Xã Pa Vệ Sử	0,50
24	Thủy lợi Huổi Vặng Mặn, xã Bum Nưa, huyện Mường Tè	Xã Bum Nưa	0,94
25	Đất kinh doanh dịch vụ (khu chợ cũ), thị trấn Mường Tè	TT Mường Tè	0,02
26	Đất ở đô thị (khu bệnh viện mới), thị trấn Mường Tè	TT Mường Tè	0,150
27	Đất Thương mại dịch vụ (bám mặt đường 32m), thị trấn Mường Tè	TT Mường Tè	0,60
28	Đất ở nông thôn (khu bản Bum, xã Bum Nưa)	Xã Bum Nưa	2,60
29	Đất ở đô thị (khu phố 7, thị trấn Mường Tè)	TT Mường Tè	0,32
30	Đất thương mại dịch vụ (Trung tâm 05, 06, khu phố 1), thị trấn Mường Tè	TT Mường Tè	10,00
31	Đất sản xuất nông nghiệp (bản Nà Phầy, xã Bum Nưa)	Xã Bum Nưa	10,00
b	**Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN**		**223,09**
32	Thủy điện Pắc Ma (bổ sung diện tích)	Xã Ka Lăng,xã Mù Cả	165,24
33	Thuỷ điện Pa Hạ (điều chỉnh diện tích)	Xã Pa Vệ Sử	13,54
34	Thủy điện Nậm Xí Lùng 1A	Xã Pa Vệ Sử	20,98
35	Thủy điện Ma Nọi	Xã Pa Ủ	21,23
36	Đất sản xuất kinh doanh (xây dựng cây xăng) xã Bum Nưa, huyện Mường Tè	Xã Bum Nưa	0,10
37	Đường dây 110 kv từ TBA 220 kv Mường Tè - TBA 110 kv Mường Tè	Thị trấn Mường Tè, xã Vàng San	2,00